

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 5 – AN GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2026/HS-ST
Ngày: 18-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Hoàng Vũ

Ông Ngô Hữu Ha

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phan Hoài Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2026/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2026/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Văn H - sinh ngày 30 tháng 11 năm: 1998 tại xã T, tỉnh An Giang; Căn cước công dân 091098004421, cấp ngày 11/11/2025; Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn D (sinh năm 1974) và bà Nguyễn Thị D1 (sinh năm 1975); Tiền án: Có 02 tiền án, ngày 29/7/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xử phạt 27 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; Ngày 24/7/2019, bị Tòa án nhân dân huyện huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không tốt, ngày 10/7/2012, Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 5922/QĐ áp dụng biện pháp đưa vào Trường G1 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản”; Ngày 21/3/2018, Tòa án nhân dân huyện huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/02/2026, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Giồng Riềng (cơ sở 3) thuộc Trại tạm giam số 02 - Công an tỉnh A. Có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Huỳnh Thị Kim H1 - sinh năm: 2006. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

2. Chị Nguyễn Thị Hồng M - sinh năm: 1978. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Ấp C, xã H, tỉnh An Giang.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Lý Thị Thanh T (tên gọi khác Bé G) - sinh năm: 1993. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Lê Hồng N - sinh năm: 1976. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Anh Lê Anh K - sinh năm: 1996. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Khu phố L, phường C, Đặc khu P, tỉnh An Giang.

4. Chị Nguyễn Thị Kim C - sinh năm: 1994. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Đường C, khu phố A, phường D, Đặc khu P, tỉnh An Giang.

5. Anh Trần Tuấn V - sinh năm: 1990. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: khu phố H, phường D, Đặc khu P, tỉnh An Giang.

6. Bà Nguyễn Thị D1 - sinh năm: 1975. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh An Giang

7. Bà Nguyễn Hồng D2 - sinh năm: 1975. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

8. Anh Nguyễn Gia N1 - sinh năm: 2001. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 20/02/2026, Trần Văn H và bạn gái tên Lý Thị Thanh T (Bé G) đến nhà nghỉ “Hải Vy” tại ấp T, xã T, tỉnh An Giang thuê phòng nghỉ lại qua đêm để sáng mai cả hai ra Rạch G mua vé tàu về P. Đến khoảng 02 giờ ngày 21/02/2026, H một mình điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Wave Alpha, màu đen, BKS 68P1 - 7981 từ nhà nghỉ đến nhà của Nguyễn Thanh T1 thuộc ấp T, xã T, tỉnh An Giang để tìm Nguyễn Duy L giải quyết mâu thuẫn (H và L có xảy ra mâu thuẫn trước đó).

Khoảng 03 giờ cùng ngày, H đến nhà T1 nhưng không gặp ai nên quay về, trên đường về H đi ngang qua nhà ông Huỳnh Văn M1 tại ấp T, xã T (nay là ấp T, xã T, tỉnh An Giang) thì H phát hiện nhà ông M1 không có khóa cửa sau nên nảy sinh ý định đột nhập vào nhà tìm tài sản lấy trộm. H lén lút vào nhà ông M1 tìm kiếm lấy trộm 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 128GB, màu xanh của chị Huỳnh Thị Kim H1 đang sạc pin ở phòng khách rồi cất giấu trong túi quần và 01 (một) Ba

lô nữ của chị H1 đang treo trên cột ở phòng ngủ. Sau đó, H lên xe mô tô chạy đến cầu K, H dừng xe lại và lấy Ba lô vừa trộm được ra kiểm tra phát hiện bên trong có tài sản gồm: 13 (*Mười ba*) chiếc vòng vàng Ximen (01 chiếc vòng bị gãy); 02 (*hai*) sợi dây chuyền vàng; 01 (*một*) nhẫn vàng có hột; Tiền Việt Nam 658.000 đồng (*Sáu trăm, năm mươi tám nghìn đồng*) và một số giấy tờ tùy thân của chị H1. H lấy số vàng và tiền nêu trên cất trong túi áo còn lại Ba lô và ví da nữ màu xám và các giấy tờ tùy thân thì H vứt bỏ xuống kênh. Khi này, Nguyễn Gia N1 (bạn H) chạy xe đi tìm H cũng vừa đến và thấy H vứt bỏ Ba lô xuống kênh, nhưng N1 không hỏi sự việc. Sau đó, H điều khiển xe về lại nhà nghỉ “Hải Vy” để nghỉ ngơi. Tại đây, H đi xuống cặp mé sông xáng, trước cửa nhà nghỉ kiểm tra tài sản vừa trộm được. H lấy 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Iphone 14 128GB và số vàng, tiền nêu trên cất giấu trong túi quần, còn lại 01 (*một*) ốp lưng nhựa, màu xám, loại trơn và 01 (*một*) sim điện thoại di động, 01 (*một*) ví da nữ sọc trắng đen, H vứt bỏ xuống sông xáng. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, H cùng T rời nhà nghỉ về Đặc khu P, sau khi đến P, cả hai về phòng trọ của gia đình T để nghỉ ngơi tại phòng trọ số 04.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, H nhờ T đi cầm cố 01 (*một*) sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 03 (*ba*) chỉ tại tiệm vàng “*Toàn C1*”, T gặp chị Lê Thị Mỹ C1 cầm với giá 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*), T đưa số tiền trên cho H.

Đến khoảng 16 giờ ngày 22/02/2026, H tiếp tục nhờ T chạy chương trình 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Iphone 14 128GB, màu xanh và T đồng ý, đến cửa hàng điện thoại “*PIA*” gặp anh Lê Hồng N và gửi sửa điện thoại trên tại đây.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, H tiếp tục nhờ T đi bán 01 (*một*) chiếc vòng ximen vàng 24k có dấu bị gãy, trọng lượng 01 (*một*) chỉ, T không trực tiếp đi và thuê chị Nguyễn Thị Kim C là shipper khu vực Dương Đ đến tiệm vàng “*Thúy Loan*” gặp anh Trần Tuấn V bán với giá 16.100.000 đồng (*Mười sáu triệu, một trăm nghìn đồng*), trừ tiền shipper thì chị C chuyển lại cho T với số tiền 15.830.000 đồng (*Mười lăm triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng*), T đưa cho H số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*), số còn lại H đưa T mua đồ dùng sinh hoạt chung.

Đến khoảng 10 giờ, ngày 23/02/2026, H một mình đi tàu về Rạch Giá và nhờ T đến tiệm V1 “*Toàn C1*” bán đứt sợi dây chuyền đã cầm cố trước đó. T đồng ý và đến tiệm vàng gặp anh Lê Anh K bán sợi dây chuyền vàng nêu trên với giá 29.400.000 đồng (*Hai mươi chín triệu, bốn trăm nghìn đồng*), trừ tiền lãi 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) và số tiền đã cầm cố, còn lại 4.325.000 đồng (*Bốn triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*), T chuyển khoản đưa cho H với số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) còn lại H đưa T trả tiền mượn và mua vé tàu trước đó. Đồng thời, T đến cửa hàng điện thoại gặp anh N lấy điện thoại nêu trên lại cất giữ do điện thoại dính mật khẩu không chạy chương trình được. Số vàng còn lại, H đem chôn phía trước phòng trọ của gia đình T (Đặc khu P) cất giấu.

Đến ngày 24/02/2026, H đến Công an xã T đầu thú. Qua lời khai nhận của H, Cơ quan điều tra đến yêu cầu T kiểm tra và tự nguyện giao nộp số tài sản trộm cắp còn lại gồm: 12 (mười hai) chiếc vòng Ximen vàng 18K, 01 (một) chiếc nhẫn vàng có hột 18K, 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18K nêu trên cất giấu phía ngoài phòng trọ của gia đình T, đồng thời T đã tự nguyện giao nộp lại 01 (một) điện thoại di động nêu trên cho Cơ quan điều tra. Qua làm việc Trần Văn H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, số tiền bán được H sử dụng tiêu xài cá nhân.

Khi nhờ T đi thế chấp, bán số vàng và chạy chương trình điện thoại di động nêu trên, đối với sợi dây chuyền H không nói rõ cho T biết đây là tài sản do H phạm tội mà có, chiếc vòng ximen H nói nhặt được ngoài đường, điện thoại di động do chỉ của H đi nước ngoài để lại cho H sử dụng.

Đối với xe mô tô, nhãn hiệu Wave Alpha, màu đen, BKS 68P1 - 7981 Hiền thông bạn tên T2 mua của người tên H ở chợ C2, Cần Thơ với giá 2,5 triệu đồng. Khi mua không biết xe này là tài sản trộm cắp.

Vật chứng thu giữ được trong vụ án:

- 12 (mười hai) chiếc vòng Ximen bằng kim loại màu vàng hình tròn, bảng vuông chạm dấu vạch chéo (\\) có khóa và có khắc chữ bên trong "K TD 610".

- 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn có hột trắng hai viên hột + hột trắng, có khắc chữ bên trong "TNJ PS 610".

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, loại khoen lật (chữ N) có gắn một Mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình trái tim (đính hột trắng) và có khắc chữ bên trong "TD 610".

- 01 điện thoại di động, hiệu Iphone 14 128GB, màu xanh, số IMEI1: 357973430512746, IMEI2: 357973430532587, đã qua sử dụng.

- 01 phiếu biên nhận của Siêu thị Đ1 chi nhánh B, số: 0334890, ngày 17/04/2025; có dấu đã thu màu đỏ của siêu thị Đ1 chi nhánh B.

- 01 giấy mua bán vàng của Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng và cầm đồ KIM PHƯỢNG; Số HĐ: BL240619012, ngày 19/06/2024.

- 01 giấy mua bán vàng của Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng và cầm đồ KIM PHƯỢNG; Số HĐ: BL231231002, ngày 31/12/2023.

- 01 giấy mua bán vàng của Doanh nghiệp tư nhân K1; MST: 0316243231, ngày 11/12/2021.

- 01 xe mô tô, trên lốc máy có chữ Honda, dán tem Wave A, không có bửng và gương chiếu hậu, màu đen, BKS: 68P1 - 7981, không có số khung, số máy: JC152FMH RD12009122, đã qua sử dụng.

Tại Công văn số 206/2026/CV- PNJ, ngày 06/3/2026 của Công ty Cổ phần V2, chi nhánh P xác định:

12 (Mười hai) chiếc vòng Ximen bằng kim loại màu vàng hình tròn, băng vuông chạm dấu vạch (\) có khoá và có khắc chữ bên trong “K TD 610”, trọng lượng vàng 10,295 chỉ, vàng 15K (61%).

01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, loại khoen lật (chữ N) có gắn một mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình trái tim (đính hột trắng) và có khắc chữ bên trong “TD 610”, trọng lượng 1,466 chỉ, vàng 15K (61%).

01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn có hột trắng hai viên hột + hột trắng, và có khắc chữ bên trong “TNJ PS 610”, trọng lượng 1,5 chỉ (đã trừ hột), vàng 15K (61%).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL- HĐĐGTS, ngày 04/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thường xuyên xã T, tỉnh An Giang kết luận:

Tại thời điểm ngày 21/02/2026, tài sản điện thoại di động, hiệu Iphone 14 128GB, màu xanh, số IMEI1: 357973430512746, IMEI2: 357973430532587, số seri: D2JGDJDY10 có giá trị là: 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL- HĐĐGTS, ngày 02/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thường xuyên xã T, tỉnh An Giang kết luận:

Tại thời điểm xảy ra vụ án ngày 21/02/2026, tài sản yêu cầu định giá có giá trị bao gồm:

12 (Mười hai) chiếc vòng Ximen băng vuông 3,5li chạm \\\ có khoá cty T3, loại vàng 610, đá 0^c 0^p 00, trọng lượng 10,295 chỉ, mua tại tiệm V1 (thành phố Hồ Chí Minh). 12 (Mười hai) chiếc vòng Ximen (10,295 chỉ) x 9.850.000đ/chỉ = 101.405.750đ (Một trăm lẻ một triệu, bốn trăm lẻ năm nghìn, bảy trăm năm chục đồng).

01 (một) sợi dây chuyền, loại dây công bông 4,5li + ống tròn chạm dài 56cm Cty K*L* loại 3c, loại vàng 610, đá 0^c 0^p 00, trọng lượng 3,033 chỉ, mua tại tiệm V1 (thành phố Hồ Chí Minh). 01 (một) sợi dây chuyền (3,033 chỉ) x 9.850.000đ/chỉ = 29.875.050 đồng (*Hai mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn, không trăm năm chục đồng*).

01 (một) nhẫn hột trắng hai viên hột + hột trắng, loại vàng 610, trọng lượng 1,5 chỉ, mua tại tiệm V1 (thành phố Hồ Chí Minh). 01 (một) nhẫn hột trắng hai viên hột + hột trắng (1,5 chỉ) x 9.850.000đ/chỉ = 14.775.000 đồng (*Mười bốn triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

01 (một) sợi dây chuyền loại khoen lật (chữ N) có gắn một Mặt hình trái tim (đính hột trắng), loại vàng 610, trọng lượng 1,466 chỉ, mua tại tiệm V1 (thành Phố Hồ Chí Minh). 01 (một) sợi dây chuyền loại khoen lật (chữ N) có gắn một Mặt hình

trái tim (đính hột trắng) (1,466 chỉ) x 9.850.000đ/chỉ = 14.440.000 đồng (*Mười bốn triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*).

01 (một) chiếc vòng Ximen, loại vàng 980, trọng lượng 01 chỉ, mua tại tiệm V1 (thành phố Hồ Chí Minh). 01 (một) chiếc vòng Ximen, (01 chỉ) x 16.250.000đ/chỉ = 16.250.000 đồng (*Mười sáu triệu, hai trăm năm chục nghìn đồng*).

Tổng giá trị các tài sản nêu trên có giá trị tiền Việt Nam là 176.745.900 đồng (*Một trăm bảy mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn, chín trăm đồng*).

Ngày 05/03/2026, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh A ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra Lệnh tạm giam đối với Trần Văn H.

Cơ quan điều tra đã xử lý trao trả đồ vật chứng cho người bị hại, gồm:

Ngày 29/4/2026, trả cho bà Nguyễn Thị Hồng M: 12 (mười hai) chiếc vòng Ximen, loại vàng 610, trọng lượng 10,295 chỉ, đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc nhẫn nữ + hột trắng, loại vàng 610, trọng lượng 1,5 chỉ, đã qua sử dụng.

- 01 (một) sợi dây chuyền, loại khoen lật (chữ N) có gắn Mặt hình trái tim (đính hột trắng), loại vàng 610, trọng lượng 1,466 chỉ, đã qua sử dụng.

- 01 (một) giấy mua bán vàng của Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng và cầm đồ KIM PHƯỢNG, ngày 19/06/2024; 01 (một) giấy mua bán vàng của Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng và cầm đồ KIM PHƯỢNG, ngày 31/12/2023; 01 (một) giấy mua bán vàng của Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng An Nhiên V, ngày 11/12/2021.

Ngày 06/3/2026, trả cho bà Huỳnh Thị Kim H1: 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 14 128GB, màu Xanh, đã qua sử dụng; 01 (một) phiếu biên nhận của Siêu thị Đ1, chi nhánh B, ngày 17/04/2025.

Đối với 01 (một) xe mô tô, trên lốc máy có chữ Honda, dán tem Wave A, không có bửng và gương chiếu hậu, màu đen, không có số khung, số máy: JC152FMH RD12009122, đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra xác định đây là tài sản bị mất trộm tại xã C nên đã bàn giao chiếc xe mô tô nêu trên cho Công an xã C, thành phố Cần Thơ để điều tra theo thẩm quyền. Đối với biển kiểm soát 68P1 - 7981, Cơ quan điều tra đã bàn giao cho Công an xã T, tỉnh An Giang xử lý theo quy định.

Tại Bản cáo trạng số: 87/CT-VKSKV5 ngày 17 tháng 8 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 04 năm đến 05 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Ghi nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh A đã giao trả lại tài sản cho bị hại bà Huỳnh Thị Kim H1, bà Nguyễn Thị Hồng M.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị D1 (mẹ của bị cáo Trần Văn H) đã tự nguyện khắc phục thiệt hại 23.000.000 đồng nên các bị hại không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường thiệt hại gì thêm nên đề nghị không giải quyết.

Đối với Lý Thị Thanh T (Bé G), quá trình điều tra chưa có đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội tiêu thụ tài sản do người phạm tội mà có. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý khi có đủ căn cứ.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ăn năn hối hận, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Các bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do đó căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo H thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng với nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, cụ thể:

Vào ngày 21/02/2026, Bị cáo Trần Văn H lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác, tài sản không người trông coi, đã lén lút lấy trộm các tài sản của chị Huỳnh Thị Kim H1 và bà Nguyễn Thị Hồng M gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 128GB, màu xanh; 01 (một) Ba lô nữ bên trong có tài sản như: 12 (Mười hai) chiếc vòng Ximen, loại vàng 610, trọng lượng 10,295 chỉ; 01 (một) sợi dây chuyền, loại dây công bông 4,5li + ống tròn chạm dài 56cm, loại vàng 610, trọng lượng 3,033 chỉ; 01 (một) nhẫn hột trắng hai viên hột + hột trắng, loại vàng 610, trọng lượng 1,5 chỉ; 01 (một) sợi dây chuyền loại khoen lật (chữ N) có gắn một Mặt hình trái tim

(đính hột trắng), loại vàng 610, trọng lượng 1,466 chỉ; 01 (một) chiếc vòng Ximen, loại vàng 980, trọng lượng 1 chỉ; Tiền Việt Nam 658.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng*) để tại nhà ông Huỳnh Văn M1 thuộc ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

Theo kết luận định giá tài sản số 01/KL- HĐĐGTS, ngày 04/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thường xuyên xã T, tỉnh An Giang kết luận: Tại thời điểm ngày 21/02/2026, tài sản điện thoại di động, hiệu Iphone 14 128GB, màu xanh, số IMEI1: 357973430512746, IMEI2: 357973430532587, số seri: D2JGDJDY10 có giá trị là: 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kết luận định giá tài sản số 02/KL- HĐĐGTS, ngày 02/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thường xuyên xã T, tỉnh An Giang kết luận: Tại thời điểm xảy ra vụ án ngày 21/02/2026, Tổng giá trị các tài sản nêu trên có giá trị tiền Việt Nam là 176.745.900 đồng (*Một trăm bảy mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn, chín trăm đồng*)

Tổng giá trị các tài sản thiệt hại là 184.903.900 đồng (*Một trăm tám mươi bốn triệu, chín trăm lẻ ba nghìn, chín trăm đồng*).

Như vậy, lời khai nhận của bị cáo về hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ có trong hồ sơ đã thu thập và được thẩm tra tại phiên tòa.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo nhận thức được tài sản hợp pháp của người khác là bất khả xâm phạm, được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị nghiêm trị nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo H đã lợi dụng sự sơ hở của các bị hại, lén lút lấy trộm vàng và điện thoại để trong nhà của bị hại. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác.

Bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tái phạm tại Bản án số 112/2019/HSST ngày 24/7/2019 chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý và giá trị tài sản chiếm đoạt có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng nên cần áp dụng tình tiết định khung quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đối chiếu hành vi của bị cáo H với quy định của Bộ luật Hình sự đã đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Trần Văn H đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 -An Giang truy tố bị cáo H về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c, g khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo tích cực tác động gia đình khắc phục toàn bộ thiệt hại, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đến Cơ quan Công an để đầu thú. Do đó, có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo H có nhân thân không tốt.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo ý thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị cáo đã nhiều lần bị xử lý trách nhiệm hình sự bằng các bản án nghiêm khắc nhưng vì chạy lười lao động, xem thường pháp luật bị cáo tiếp tục cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo tránh xa các tệ nạn xã hội, tiếp tục cải tạo, rèn luyện bị cáo thành người công dân tốt.

[4]. Về hình phạt bổ sung:

Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo H không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Do các bị hại không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Ghi nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh A đã giao trả lại tài sản cho các bị hại và chuyển vật chứng xử lý theo thẩm quyền xong.

[7]. Xét đề nghị của viện kiểm sát: Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bị cáo Trần Văn H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 260, khoản 1 Điều 268; Khoản 1 Điều 269, khoản 1 Điều 292, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm c, g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Xử phạt bị cáo Trần Văn H 04 (*bốn*) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/02/2026.

3. Về án phí:

Bị cáo Trần Văn H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (18-9-2026). Các bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND KV5-AG;
- Phòng THADS KV5-AG;
- Bị cáo;
- Người có QLNV liên quan;
- UBND xã;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thúy An

